

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
XXX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày: 09-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, XXX

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh.

Ông Trần Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, XXX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, XXX tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29-12-2022 và 09-01-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, XXX xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Hữu P**, sinh năm 1984 tại tỉnh XXX; Nơi cư trú: XXX, XXX, XXX, tỉnh XXX; Nơi tạm trú: XXX, XXX; Nơi ở hiện tại: XXX, XXX, XXX, tỉnh XXX; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1955 và con bà Võ Thị H, sinh năm 1964; Anh em: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2014); Hiện đang sống chung như vợ chồng với XXX, sinh ngày 02/8/1993; Nơi cư trú: XXX, XXX, XXX; Nơi ở hiện nay: XXX, XXX; Con: có 02 người (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2022).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 24/12/2021, bị Công an XXX, XXX, XXX ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp phạt xong).

Tạm giữ: Ngày 10/02/2022.

Tạm giam: Ngày 17/02/2022.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an XXX (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Phạm Văn V** (tên gọi khác: V L V), sinh năm 1976 tại XXX; Nơi cư trú: XXX, XXX, XXX, XXX; Nghề nghiệp: Mua bán cây kiểng; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị S, sinh năm 1954; Anh chị em: có 06 người, bị cáo là con thứ hai; Hiện sống chung như vợ chồng với Hồ Thị C, sinh năm 1975; Nơi cư trú huyện XXX, tỉnh XXX; Nơi ở hiện nay: XXX; Con: có 02 người (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ: Ngày 28/02/2022.

Tạm giam: Ngày 03/3/2022.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an XXX (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V là các Luật sư:

1. Hồ Thị Xuân H - Văn phòng Luật sư Xuân H thuộc đoàn Luật sư XXX.
2. Phạm Hoàng Đ- Công ty Luật hợp danh A Luật sư thuộc đoàn Luật sư XXX.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* XXX, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: XXX, XXX, XXX.

Nơi ở hiện nay: XXX, XXX.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Thành XXX, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

2. Nguyễn XXX, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

3. Phạm XXX, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX

4. Phạm XXX, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

5. Võ XXX, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: XXX, XXX, XXX, tỉnh XXX.

6. Lê XXX, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

7. Nguyễn Phan XXX, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

8. Hồ Thị C, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: XXX.

9. Huỳnh XXX, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

10. XXX, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: XXX.

11. Huỳnh Thanh XXX, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

12. Nguyễn XXX, sinh ngày 29-4-2005 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX

13. Nguyễn XXX, sinh ngày 02-11-2003 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

14. Huỳnh XXX, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: XXX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu tìm việc làm nên Huỳnh Thanh XXX, cư trú: XXX; Nguyễn XXX, cư trú: XXX; Nguyễn XXX, cư trú: XXX và Lê Minh T (tên khác là T), cư trú XXX, tỉnh XXX, được một số người bạn đang làm việc tại Campuchia giới thiệu và cho số điện thoại 0902.574.925 (tài khoản Zalo tên “Nina” (hoặc còn gọi “Luna”, tài khoản Facebook “Nina”) liên lạc để phỏng vấn và hướng dẫn cách thức di sang Campuchia. Theo lời “Nina” giới thiệu khi sang Campuchia làm việc cho một Công ty Game (Casino), hưởng lương từ 850 USD đến 1000 USD/tháng, toàn bộ chi phí từ V Nam sang đến Campuchia do phía công ty chi trả. “Nina” yêu cầu cung cấp số điện thoại, chụp ảnh chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân gửi qua zalo và chuẩn bị đồ dùng cá nhân khi nào đi được sẽ liên hệ, sắp xếp cho xuất cảnh trái phép sang Campuchia làm việc. Sau đó, “Nina” cung cấp cho Nguyễn XXX Zalo tên “taxi Bình Dương” có số điện thoại 0858.791.795 (do Nguyễn XXX, cư trú ấp 7, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh XXX) và yêu cầu kết bạn với người này, cung cấp vị trí nơi đang ở để taxi đến rước.

Khoảng 15 giờ, ngày 27/10/2021, Lê XXX, Nguyễn XXX Nguyễn XXX và Huỳnh Thanh XXX được xe ô tô 07 chỗ rước đưa đến khách sạn XXX, địa XXX (do Trần Thành XXX làm chủ) nghỉ cùng với Huỳnh XXX, Dương XXX và 04 người khác (chưa rõ họ tên) ở nhiều tỉnh, thành khác nhau để chờ xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Khoảng 18 giờ ngày 28/10/2021, do Nina không thuê được xe nên Bùi Hữu P (tài khoản Zalo tên “Xuân Nghi”) liên hệ khách sạn XXX thuê 02 xe ô tô chở 10 người này đến XXX, XXX đề xuất cảnh trái phép sang Campuchia, trong đó XXX được sắp xếp đi trên 01 xe ô tô 04 chỗ do Phạm XXX điều khiển; 06 người còn lại được xếp đi trên xe ô tô 07 chỗ do Phạm XXX điều khiển chở đến khu vực xã Thường P 2, XXX, XXX có người đón tên Phạm Văn V số điện

thoại 0976874971 (tài khoản Zalo tên “Bảo mật”). Sau khi xuống xe, 10 người trên được một số đối tượng khác bố trí di chuyển qua đường kênh nội đồng bằng xe mô tô, xuống máy đưa những người trên vượt sông Sở Thượng xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Trong quá trình di chuyển đến điểm tập kết thì bị lực lượng chức năng Campuchia phát hiện, truy đuổi nên cả nhóm bỏ chạy, N, Đ và H bị lạc đường, chạy vào một ngôi làng ở Campuchia. Do lo sợ, không muốn đi nữa nên cả 03 đã quay về khu vực biên giới Campuchia - V Nam tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, XXX thì bị lực lượng biên phòng phát hiện, bắt giữ, chuyển cho Cơ quan an ninh điều tra Công an XXX giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ vào lời khai của những người xuất cảnh, các tài xế taxi và tài liệu, chứng cứ khác có liên quan. Cơ quan an ninh điều tra Công an XXX phối hợp Công an tỉnh XXX tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Hữu P, Phạm Văn V và khám xét khẩn cấp đã thu giữ những vật chứng, tài sản liên quan để điều tra làm rõ, như sau:

- Tạm giữ tiền V Nam: 15.900.000 đồng của Bùi Hữu P (gia đình bị cáo P đã tự nguyện nộp 7.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính).

- Tạm giữ của Phạm Văn V:

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen (đã qua sử dụng);

- + 01 (một) thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), số thẻ 4221 5107 4612 2475, số tài khoản 070076775638 mang tên Phạm Văn V.

- + Tạm giữ tiền V Nam 15.000.000 đồng do gia đình bị cáo Phạm Văn V tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính trong quá trình thực hiện tội phạm.

- Cơ quan an ninh điều tra đã ra Lệnh phong tỏa số tiền 139.477 đồng trong tài khoản số 070123980385 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và phong tỏa số tiền 477.281 đồng trong tài khoản 0121000692786 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương V Nam (Vietcombank) của XXX tại chi nhánh Cà Mau, phong tỏa số tiền 15.183.486 đồng trong tài khoản 070076775638 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín tại chi nhánh Đồng Tháp của Phạm Văn V.

Ngoài ra, còn thu giữ những tài sản, giấy tờ tùy thân của P và V, do không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan an ninh điều tra Công an XXX đã xử lý, trao trả những đồ vật theo quy định.

Kết quả điều tra đã chứng minh được hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V như sau:

Năm 2019, khi sang Campuchia buôn bán, làm ăn thì Bùi Hữu P quen biết người phụ nữ tên My (khoảng 25 tuổi, quê Bắc Ninh, tài khoản Zalo tên “Nina” hay còn gọi “Luna”, tài khoản Facebook “Nina”) và cũng trong thời gian này, Phạm Văn V thường xuyên qua lại Campuchia mua cây kiểng mang về V Nam bán lại nên quen biết P. Năm 2020, do tình hình dịch bệnh phức tạp, Bùi Hữu P trở về V Nam sống chung như vợ chồng với XXX, tạm trú: khóm 1, TT. Đầm Dơi, XXX, XXX.

Năm 2021, lợi dụng địa bàn khu vực biên giới và một số tỉnh thành phía Nam áp dụng Chỉ thị 15 - 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ để phòng chống dịch Covid-19, người dân không thể xuất cảnh, qua lại hợp pháp sang Campuchia nên My (Nina) đã móc nối với P, V để hình thành đường dây tổ chức cho nhiều người xuất cảnh trái phép sang Campuchia qua địa bàn XXX nhằm thu lợi bất chính.

Đề thuận lợi cho việc bàn bạc, thỏa thuận giá cả, cách thức di chuyển, thủ đoạn đối phó với cơ quan chức năng. My sử dụng tài khoản Zalo tên Nina liên lạc với P (tài khoản Zalo tên “Xuân Nghi”, số điện thoại 0901094356) và yêu cầu P tạo tài khoản ngân hàng (tài khoản số 070123980385 tại Ngân hàng Sacombank và tài khoản 0121000692786 tại Ngân hàng Vietcombank) để giao nhận, chuyển tiền trực tuyến cho khách hàng của My đến Đồng Tháp lưu trú, chờ xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Đồng thời, My đưa P số điện thoại 0976874971 của Phạm Văn V liên lạc (Zalo tên “Bảo Mật”), tài khoản 070076775638 tại Ngân hàng Sacombank để V nhận và đưa “khách hàng” của My xuất cảnh trái phép sang Campuchia nên P và V đồng ý thực hiện nhằm trục lợi.

Trong đó, “Nina” giữ vai trò cầm đầu đường dây, đứng ra tuyển dụng, bố trí xe đưa, rước người chở đến địa bàn XXX (khách sạn XXX) P đứng ra thuê khách sạn bố trí cho các đối tượng lưu trú (mỗi lần từ 01 người đến 05 người, nhiều nhất là 10 người), bố trí phương tiện đi lại, trả chi phí đưa các đối tượng đến khu vực biên giới giao cho Phạm Văn V để V tổ chức, sắp xếp đón rước, đưa người xuất cảnh trái phép từ V Nam sang Campuchia. Theo thỏa thuận. “Nina” trả tiền toàn bộ chi phí cho số khách hàng, cứ mỗi người xuất trái phép sang Campuchia đến Công ty Casino thì “Nina” trả công cho V 5.200.000đ/người, bằng hình thức P chuyển tiền vào tài khoản cho V và Nina trả công chuyển khoản cho P là 250.000đ/người.

Ngày 17/10/2021, theo yêu cầu của Nina, P điện vào số 0909782132 liên lạc khách sạn XXX, địa chỉ số XXX (do Trần Thành XXX làm chủ) đặt chỗ ăn, ở và xưng "khách của Anh Nghi" thì bố trí phòng nghỉ, phục vụ đồ ăn, thức uống, đến khi trả phòng thì P thanh toán tiền (tính theo số lượng người đi, không tính người còn ở lại) bằng cách chuyển khoản cho khách sạn và P điện thoại trao đổi với V đón người đến khu vực Hồng Ngự xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cụ thể từ ngày 21/10/2021 đến ngày 28/10/2021, bị cáo P và V vì động cơ, mục đích vụ lợi đã móc nối với Nina tổ chức 07 lần, 30 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia như sau:

Lần thứ 1: Ngày 21/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 01 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 070123980385 chuyển vào tài khoản số 19036169857011 của Trần Thành XXX 400.000 đồng thanh toán cho 01 người lưu trú tại khách sạn.

Lần thứ 2. Ngày 22/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 09 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh

trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 070123980385 chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 4.400.000 đồng thanh toán tiền cho 09 người lưu trú tại khách sạn.

Lần thứ 3: Ngày 23/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 01 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 070123980585 chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 600.000 đồng thanh toán tiền cho 01 người lưu trú tại khách sạn và chuyển vào tài khoản số 070076775638 của Phạm Văn V 140.700.000 đồng, trong đó có 57.200.000 đồng tiền công đưa 11 người xuất cảnh trái phép.

Lần thứ 4: Ngày 25/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 03 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng 02 tài khoản (Sacombank, Viettinbank) chuyển 3 lần chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 2.900.000 đồng thanh toán tiền cho 03 người lưu trú tại khách sạn.

Lần thứ 5: Ngày 26/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 04 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 070123980385 chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 2.000.000 đồng thanh toán tiền cho 04 người lưu trú tại khách sạn và P sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0121000692786 chuyển vào tài khoản của Phạm Văn V 163.000.000 đồng, trong đó có 36.400.000 đồng tiền công của 07 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Lần thứ 6: Ngày 27/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 02 người người xuất cảnh trái phép (không xác định được nhân thân, lai lịch) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng tài khoản ngân hàng Sacombank số 070123980385 chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 2.000.000 đồng thanh toán tiền cho 02 người lưu trú tại khách sạn và chuyển vào tài khoản của Phạm Văn V 133.000.000 đồng. trong đó có 10.400.000 đồng tiền công đưa 02 người xuất cảnh trái phép.

Lần thứ 7: Ngày 28/10/2021, bị cáo P và V câu kết với Nina tổ chức đưa 10 người xuất cảnh trái phép (trong đó có Nguyễn XXX, Nguyễn XXX, Huỳnh Thanh XXX, Lê XXX, Huỳnh XXX, Dương XXX và 04 người khác chưa rõ họ tên) từ khách sạn XXX xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Cùng ngày P sử dụng 02 tài khoản, ngân hàng Sacombank số 070123980385 chuyển vào tài khoản của Trần Thành XXX 6.100.000 đồng, gồm trả tiền thuê xe và 10 người lưu trú tại khách sạn và ngân hàng Vietcombank số 0121000692786 chuyển vào tài khoản của Phạm Văn V số tiền 186.000.000 đồng, trong đó có 31.200.000 đồng trả tiền công cho V do có 06 người xuất cảnh trái phép đến Công ty Casino. Lần này thì bị lực lượng biên phòng phát hiện, bắt giữ 03 người xuất cảnh (Đức, Nghĩa và Hạ) tại khu vực Cỏ Chanh, ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, XXX, Cơ quan an ninh điều tra Công an XXX đã tiến hành điều tra và có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn

V câu kết với Nina tổ chức 07 lần cho 30 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia nhằm hưởng lợi.

Quá trình điều tra, các bị cáo P và V đã thừa nhận hành vi phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, vật chứng thu giữ, kết quả sao kê điện thoại, sao kê tài khoản, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, các lời khai của người chứng kiến, người làm chứng, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, theo V khai nhận: Để thực hiện việc đón rước người xuất cảnh sang Campuchia trái phép V đã liên hệ với đối tượng tên Dim (Rim) ngụ ấp 4, xã Cốc sấm pư, huyện Piên chô, tỉnh Rây veng, Vương quốc Campuchia nhà đối diện XXX, XXX, XXX để đón rước người của Nina và P. Trong thời gian từ ngày 21 - 28/10/2021, bị cáo P đã chuyển cho bị cáo V 04 lần với tổng số tiền là 622.700.000 đồng, trong đó trả tiền công cho V đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia là 135.200.000 đồng, còn lại 487.500.000 đồng, P và V đều thừa nhận đây là tiền giao dịch làm ăn, không liên quan đến hoạt động phạm tội và các bị cáo tự thỏa thuận, đến thời điểm phong tỏa tài khoản của V còn lại 15.183.486 đồng.

Đối với 135.200.000 đồng nhận từ P, V cho rằng đã đưa cho Dim (Rim) hưởng lợi 109.200.000 đồng, V chỉ thu lợi số tiền 26.000.000 đồng (V hưởng chênh lệch 1.000.000đ/người). Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh theo lời khai của bị cáo V nhưng không làm việc được người có tên Dim (Rim) và không có chứng cứ nào khác để chứng minh V giao số tiền 109.200.000 đồng cho Dim (Rim).

Đến khi kết thúc điều tra, bị cáo V thay đổi lời khai, quanh co, chối tội và cho rằng mình không phạm tội, vì không câu móc với P để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo P, V (bản tự khai và các lời khai ban đầu đều nhận tội), lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo V như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKSĐT-P1 ngày 18- 10-2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng đã truy tố các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đồng phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo P và bị cáo V đều thừa nhận Luna (Nina) cho bị cáo V hưởng 5.200.000 đồng/1 người, bị cáo P hưởng 250.000 đồng/1 người.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Văn V khai nhận trong số tiền 5.200.000 đồng bị cáo V chỉ hưởng 1.000.000 đồng/1 người, còn lại là tiền công của người tên Dim (Rim) ở Campuchia, khi bị cáo P chuyển tiền cho bị cáo thì bị cáo chỉ giữ lại khoản tiền công của mình là 1.000.000 đồng/1 người, số tiền còn lại là của Dim (Rim) nên bị cáo điện thoại cho Dim (Rim) qua nhận.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đồng phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 17 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Quá trình điều tra bị cáo Bùi Hữu P tự thú khai ra các lần phạm tội của mình; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo P được Ban Chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh XXX tặng bằng khen tại kỳ Đại hội thể dục thể thao lần thứ V năm 2009. Ngoài ra, bị cáo tự nguyện vận động gia đình giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 7.500.000 đồng và thân nhân có ông Võ Văn Sáng (em ông ngoại bị cáo) là người có công, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước phong tặng danh hiệu liệt sĩ năm 2015. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Phạm Văn V tại phiên tòa khai nhận các lần phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra, có bà ngoại (Trần Thị Các) được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ V Nam anh hùng; có 02 người cậu là người có công, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã tặng danh hiệu liệt sĩ. Ngoài ra, bị cáo đã vận động gia đình giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 15.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đã 07 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia, lần ít nhất là 01 người, nhiều nhất là 10 người nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, 128, 129 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Văn V (là phương tiện dùng phạm tội).

Buộc bị cáo Phạm Văn V nộp 135.200.000 đồng, bị cáo Bùi Hữu P nộp 7.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

• Tiếp tục phong tỏa 02 tài khoản số 070123980385 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 139.477 đồng), 0121000692786 (mở tại Ngân hàng Vietcombank số dư trong tài khoản 477.281 đồng) của XXX, 01 tài khoản số 070076775638 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 15.183.486 đồng) của Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục quản lý số tiền 15.900.000 đồng của bị cáo Bùi Hữu P và 15.000.000 đồng của bị cáo Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

Đối với My (khoảng 25 tuổi, quê Bắc Ninh, tài khoản Zalo tên Luna hay còn gọi Nina, tài khoản Facebook “Nina” làm việc ở các Công ty game online tại Campuchia) đã 07 lần móc nối với bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V tổ chức cho 30 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, tổng số tiền mà bị cáo P và V thu lợi từ My (Nina) là 142.700.000 đồng. Hành vi của My (Nina) có dấu hiệu của tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” nhưng do chưa xác định địa chỉ cụ thể của My nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với người tên Dim (Rim) (ngụ xã Cốc sấm pư, huyện Piềm chô, tỉnh Prây veng, Vương quốc Campuchia) do chưa làm việc được đối tượng và chỉ có lời khai của bị cáo Phạm Văn V cho rằng đã cấu móc với Dim đưa người sang Campuchia nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với XXX (sinh ngày 02/8/1993, hộ khẩu thường trú: XXX, XXX, XXX; tạm trú: khóm 1, XXX, huyện Đàm Dơi, XXX) sống như vợ chồng với bị cáo Bùi Hữu P và có đăng ký 02 tài khoản ngân hàng (Sacombank, Vietcombank) cho P sử dụng để chuyển tiền trong quá trình thực hiện tội phạm nhưng Mi không biết động cơ, mục đích, hành vi phạm tội của P cùng đồng phạm và P cũng không nói cho Mi biết. Do chưa đủ căn cứ để xử lý chung trong vụ án này nên Cơ quan an ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với những người xuất cảnh trái phép sang Campuchia: Do Bùi Hữu P và Phạm Văn V đã móc nối với Nina tổ chức cho 30 người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Kết quả điều tra có 04 đối tượng có mặt tại địa phương nên Cơ quan an ninh điều tra chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Còn lại những người xuất cảnh trái phép không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được.

Đối với các tài xế do Nina và P thuê chở đến lưu trú ở khách sạn XXX và khu vực biên giới V Nam - Campuchia: Bị cáo P và V không nói cho họ biết mục đích đưa người đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Campuchia và bản thân các tài xế cũng không biết động cơ, mục đích, hành vi phạm tội của P cùng đồng phạm nên không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với Trần Thành XXX chủ khách sạn XXX địa chỉ số 554 đường Phù Đông phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Ninh Đồng Tháp, từ ngày 21/10/2021 đến ngày 28/10/2021, có nhận 30 “khách hàng” của P đến lưu trú tại khách sạn và P đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng nên Ân không biết những người này đến nghỉ để chờ xuất cảnh sang Campuchia và P cũng không nói cho Ân biết. Do đó, hành vi của Ân không có dấu hiệu của tội phạm.

Bị cáo Bùi Hữu P không tranh luận.

Bị cáo Phạm Văn V không tranh luận, đề Luật sư tham gia tranh luận.

Tại phần tranh luận:

Luật sư Phạm Hoàng Đ là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V trình bày ý kiến: thống nhất với nội dung Cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền buộc bị cáo Phạm Văn V nộp lại do thu lợi bất chính 135.200.000 đồng. Bị cáo V là đồng phạm giản đơn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị xử mức án thấp nhất, xem xét làm rõ chỗ anh Dim nhận tiền thế nào.

Luật sư Hồ Thị Xuân H là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V trình bày ý kiến: Theo Cáo trạng chưa tìm được Luna và Dim (Rim) tội đồng ý, nhưng trong hồ sơ chưa làm rõ không đưa V đến nơi đưa tiền để V xác định. Chưa làm rõ số tiền 5.200.000 đồng/1 người mà quy kết cho V buộc để nộp lại, trong khi đó V khai số tiền đưa cho anh Dim (Rim) người Campuchia. V vai trò đồng phạm với P, nhưng P là vai trò chính rủ V cùng thực hiện, nên V mức hình phạt thấp hơn. Do đó căn cứ Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ điều tra bổ sung.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an XXX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân XXX, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận: Vì vụ lợi cá nhân, từ ngày 21/10/2021 đến ngày 28/10/2021, bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đã 07 lần tham gia tổ chức cho 30 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, tổng cộng P đã thu lợi số tiền 7.500.000 đồng và V thu lợi số tiền 135.200.000 đồng. Trong đó, P và V là người phụ trách trong nước có nhiệm vụ chở người đến khu vực biên giới XXX để những người khác đưa sang Campuchia trái phép. Hành vi của P và V đã xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa V Nam, an ninh biên giới V Nam - Campuchia; gây ảnh hưởng đến công tác phòng chống dịch Covid-19 của nước ta.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Bùi Hữu P, Phạm Văn V là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, với lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo cấu thành đồng phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 17 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại V Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Đối với 11 người trở lên.

Tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

[4] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý xuất nhập cảnh, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Việc xuất, nhập cảnh trái phép không chỉ liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ an ninh đất nước, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tình hình dịch bệnh Covid -19 đang diễn biến rất phức tạp, dịch bệnh lây lan nhanh, số ca nhiễm ngày càng tăng, các ca nhiễm mới liên quan đến những người nhập cảnh được phát hiện với tỷ lệ cao. Vì vậy, việc nâng cao cảnh giác trước tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép qua biên giới kết hợp với công tác phòng, chống dịch bệnh được nhà nước chú trọng, quan tâm. Tuy nhiên, chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà các bị cáo đi ngược lại với lợi ích chung của cả cộng đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý hành chính trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh mà còn gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19 mà nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm có điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, nhằm cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Nhưng Hội đồng xét xử có xem xét đến vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vai trò thực hiện hành vi tội phạm là do Luna (Nina) cầm đầu tổ chức cho bị cáo P và bị cáo V cùng thực hiện. Luna cho số điện thoại của V để P liên hệ đưa người sang Campuchia trái phép, P chủ động liên hệ với V, nhưng số tiền công Luna cho P hưởng thấp hơn V, nên hành vi của 02 bị cáo là tương xứng với nhau.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Bùi Hữu P tự thú khai ra các lần phạm tội của mình; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo P được Ban Chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh XXX tặng bằng khen tại kỳ Đại hội thể dục thể thao lần thứ V năm 2009. Ngoài ra, bị cáo tự nguyện vận động gia đình giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 7.500.000 đồng và thân nhân có ông Võ Văn Sáng (em ông ngoại bị cáo) là người có công, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước phong tặng danh hiệu liệt sĩ năm 2015. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Phạm Văn V tại phiên tòa tự khai ra các lần phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra, có bà ngoại (Trần Thị Các) được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ V Nam anh hùng; có 02 người cậu là người có công, tham gia cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã tặng danh hiệu liệt sĩ. Ngoài ra, bị cáo đã vận động gia đình giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính là 15.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đã 07 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia, lần ít nhất là 01 người, nhiều nhất là 10 người nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với My (khoảng 25 tuổi, quê Bắc Ninh, tài khoản Zalo tên Luna hay còn gọi “Nina”, tài khoản Facebook “Nina” làm việc ở các Công ty game online tại Campuchia) đã 07 lần móc nối với bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V tổ chức cho 30 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia, tổng số tiền mà bị cáo P và V thu lợi từ My (Nina) là 142.700.000 đồng. Hành vi của My (Nina) có dấu hiệu của tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” nhưng do chưa xác định địa chỉ cụ thể của My (Nina) nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với người tên Dim (ngụ xã Cốc sấm pư, huyện Piềm chô, tỉnh Prây veng, Vương quốc Campuchia) do chưa làm việc được đối tượng và chỉ có lời khai của bị cáo Phạm Văn V cho rằng đã cấu móc với Dim (Rim) đưa người sang Campuchia nên Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với XXX (sinh ngày 02/8/1993, hộ khẩu thường trú: XXX, XXX, XXX; tạm trú: khóm 1, XXX, huyện Đàm Dơi, XXX) sống như vợ chồng với bị cáo Bùi Hữu P và có đăng ký 02 tài khoản ngân hàng (Sacombank, Vietcombank) cho P sử dụng để chuyển tiền trong quá trình thực hiện tội phạm nhưng Mi không biết động cơ, mục đích, hành vi phạm tội của P cùng đồng phạm và P cũng không nói cho Mi biết. Do chưa đủ căn cứ để xử lý chung trong vụ án này nên Cơ quan an ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với những người xuất cảnh trái phép sang Campuchia: Do Bùi Hữu P và Phạm Văn V đã móc nối với Nina tổ chức cho 30 người khác xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Kết quả điều tra có 04 đối tượng có mặt tại địa phương nên Cơ quan an ninh điều tra chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định

của pháp luật. Còn lại những người xuất cảnh trái phép không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được.

Đối với các tài xế do Nina và P thuê chở đến lưu trú ở khách sạn XXX và khu vực biên giới V Nam - Campuchia: Bị cáo P và V không nói cho họ biết mục đích đưa người đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Campuchia và bản thân các tài xế cũng không biết động cơ, mục đích, hành vi phạm tội của P cùng đồng phạm nên không có dấu hiệu của tội phạm.

Đối với Trần Thành XXX chủ khách sạn XXX địa chỉ số 554 đường Phù Đồng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, XXX, từ ngày 21/10/2021 đến ngày 28/10/2021, có nhận 30 “khách hàng” của P đến lưu trú tại khách sạn và P đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng nên Ân không biết những người này đến nghỉ để chờ xuất cảnh sang Campuchia và P cũng không nói cho Ân biết. Do đó, hành vi của Ân không có dấu hiệu của tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự quy định, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Do các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Văn V (là phương tiện phạm tội).

Buộc bị cáo Phạm Văn V nộp 135.200.000 đồng, bị cáo Bùi Hữu P nộp 7.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục phong tỏa 02 tài khoản số 070123980385 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 139.477 đồng), 0121000692786 (mở tại Ngân hàng Vietcombank số dư trong tài khoản 477.281 đồng) của XXX, 01 tài khoản số 070076775638 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 15.183.486 đồng) của Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục quản lý số tiền 15.900.000 đồng của bị cáo Bùi Hữu P và 15.000.000 đồng của bị cáo Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về phát biểu tranh luận của Luật sư:

Xét thấy Luật sư Phạm Hoàng Đvà Luật sư Hồ Thị Xuân H là người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn V, cho rằng chưa làm rõ người tên Dim (rim) và số tiền bị cáo V chuyển cho người tên Dim (Rim), nên căn cứ Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung là chưa có căn cứ nên không chấp nhận. Bởi vì trong nội dung Cáo trạng có nêu rõ Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau đối với người tên Dim (Rim) kể cả người tên My ZaLo (Luna, Nina). Đối

với số tiền 135.200.000 đồng thì giữa bị cáo P và V điều thừa nhận (có giao có nhận) chỉ có V khai ra câu móc với Dim (Rim) đưa người sang Campuchia và đưa tiền trả công cho Dim (Rim), bản thân V khai tại tòa là cũng không biết rõ mặt và địa chỉ chính xác, cũng không có căn cứ gì người tên Dim (Rim) nhận tiền của V. Nên không chấp nhận, mà buộc bị cáo V nộp lại số tiền theo đề nghị của Viện kiểm sát để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp. Riêng việc đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt là có căn cứ, nhưng do tính chất vụ án phức tạp, ảnh hưởng tình hình an ninh chính trị địa phương cần xử lý nghiêm nên không xử dưới khung. Hơn nữa bị cáo phạm tội nhiều lần (bảy lần) có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về vai trò của V tuy do P rủ nhưng trách nhiệm đưa người sang campuchia là do V, còn P chỉ lo chỗ ăn nghỉ trong nội địa, V cũng được chi tiền công hưởng lợi nhiều hơn, nên không thể xem xét mức hình phạt của bị cáo V thấp hơn bị cáo P là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội, đề nghị mức hình phạt, xử lý vật chứng và buộc nộp tiền thu lợi bất chính để sung công của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Hữu P và Phạm Văn V đồng phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu P 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 10-02-2022.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 28-02-2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Văn V.

Buộc bị cáo Phạm Văn V nộp 135.200.000 đồng, bị cáo Bùi Hữu P nộp 7.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục phong tỏa 02 tài khoản số 070123980385 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 139.477 đồng), 0121000692786 (mở tại Ngân hàng Vietcombank số dư trong tài khoản 477.281 đồng) của XXX, 01 tài khoản số 070076775638 (mở tại Ngân hàng Sacombank số dư trong tài khoản 15.183.486 đồng) của Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục quản lý số tiền 15.900.000 đồng của bị cáo Bùi Hữu P và 15.000.000 đồng của bị cáo Phạm Văn V để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Hữu P và bị cáo Phạm Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân XXX trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09-01-2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND H. Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- CQ CSĐTCA H. Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- CQ THAHSCA H. Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- CCTHADS H. Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu